TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2020/QĐST-HNGĐ	*Tp. Sóc Trăng, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường B, khóm 6, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường B, khóm 6, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1974

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1974 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/5/2002, hiện nay đã trưởng thành, phía nguyên đơn bà H và bị đơn ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng N trình bày tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng N trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H đồng ý chịu án phí về ly hôn số tiền 150.000 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004644 và số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004643 cùng ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, bà H được nhận lại 10.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Ông Nguyễn Trọng N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Phước Tài